

Bản án số: 05/2023/HNGĐ - PT

Ngày: 20 - 02 - 2023

“V/v ly hôn, nuôi con, tài sản chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trung Thành

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Bá Lưu và ông Dương Viết Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2022/TLPT- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và tài sản chung”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số: 25/2022/HNGĐ-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 266/2023/QĐ-PT ngày 27/01/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983, nơi tạm trú: Ngõ 60, đường Hàm N, phường Đồng P, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ báo tin: Số 404 Lý Thường K, phường Bắc L, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Tuấn S, sinh năm 1980, địa chỉ: đường Nguyễn Đăng G, thôn Đức T1, xã Đức N1, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 31/3/2022, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Tâm trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Tuấn S đăng ký kết hôn vào ngày 01/3/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Lê Hồng P1, thành phố Quy N2, tỉnh Bình

Định. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng vẫn sống hạnh phúc. Được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống của mỗi người khác nhau, thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn trầm trọng vào khoảng năm 2019. Vợ chồng làm ăn kinh doanh tự do nhưng thường xuyên bất đồng về quan điểm định hướng làm ăn dẫn đến thường xuyên tranh cãi xúc phạm nhau. Hiện nay, các bên đã sống ly thân từ đầu năm 2022 và không ở chung một nhà; mâu thuẫn ngày càng tăng bế tắc trầm trọng.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Tuấn S.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Khánh B, sinh ngày 25/8/2012. Sau khi ly hôn vợ chồng đã thống nhất giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 475, tờ bản đồ số 15, địa chỉ thửa đất tại xã Đức N1, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình; Trên thửa đất có một ngôi nhà cấp 4 có diện tích 37,9m<sup>2</sup> và hàng rào, cổng trụ bao quanh là công sức của anh S xây dựng nên chị T không có yêu cầu phân chia đối với các tài sản này và chị yêu cầu Tòa án chia đôi thửa đất và chị T được chia phần đất không có nhà cấp 4.

*Tại bản tự khai ngày 09/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Tuấn S, trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý như trình bày của chị T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh không đồng ý như chị T trình bày, nhưng chị T muốn ly hôn thì anh cũng đồng ý vì thực tế đến nay tình cảm vợ chồng đã không còn nguyên vẹn.

- Về quan hệ con chung: Anh S đồng ý như trình bày của chị T về con chung. Về mức cấp dưỡng nuôi con anh không đồng ý, vì hiện nay thu nhập trung bình mỗi tháng của anh khoảng 5.000.000 đồng, đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật về vấn đề tiền cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh S có tạo lập được một tài sản riêng là một ngôi nhà cấp 4 các công trình khác như chị T trình bày. Anh và chị T đều thống nhất đó là tài sản riêng của anh S, nên không yêu cầu giải quyết đối với ngôi

nhà này. Đối với yêu cầu chia đôi thửa đất của chị T anh không đồng ý vì công sức đóng góp nguồn gốc tạo lập tài sản là thửa đất do nguồn tài chính kinh doanh cá nhân anh S làm ra.

Tại Bản án số 25/2022/HNGĐ-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng H đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng các Điều 33, 39, 51, 55, 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Lê Tuấn S

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Lê Khánh B, sinh ngày 25/8/2012 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và buộc anh Lê Tuấn S phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nguyễn Thị Thanh T mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 10 năm 2022 cho đến khi cháu Lê Khánh B trưởng thành tròn 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm non chăm sóc con chung; không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Xác định phần đất tại thửa đất số 475, tờ bản đồ số 15 tại xã Đức N1, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình với diện tích: 243m<sup>2</sup> mang tên Lê Tuấn S và Nguyễn Thị Thanh T số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 04395 do UBND thành phố Đồng H cấp ngày 03/5/2017 có tổng trị giá là 388.800.000 đồng là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh Lê Tuấn S và chị Nguyễn Thị Thanh T nên chia đôi thửa đất, mỗi người được hưởng 50% giá trị. Cụ thể: Chia cho chị Nguyễn Thị Thanh T được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 121,5m<sup>2</sup> (phần không có ngôi nhà cấp 4) trị giá 194.400.000 đồng; Chia cho anh Lê Tuấn S được quyền sử dụng đất diện tích 121,5m<sup>2</sup> phần đất còn lại (có ngôi nhà cấp 4) trị giá 194.400.000 đồng.

Tại thửa đất số 475, tờ bản đồ số 15 tại xã Đức N1, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 523349 với diện tích 243m<sup>2</sup> mang tên Lê Tuấn S và Nguyễn Thị Thanh T1, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 04395 do UBND thành phố Đồng H cấp ngày 03/5/2017. Thửa đất thuộc lô đất số C19, bản đồ điều chỉnh quy hoạch chi tiết phân lô đất ở khu vực Bàu B1, xã Đức N1, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình có tứ cận:

- Phía Tây Bắc: giáp thửa đất số 476, kích thước 25,1m;
- Phía Đông Nam: giáp thửa đất số 474, kích thước 23,5m;
- Phía Đông Bắc: giáp rãnh R3, kích thước 10,0m;
- Phía Tây Nam: giáp đường giao thông, cách tim đường 5,25m.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí ly hôn, án phí chia tài sản, án phí cấp dưỡng, chi phí tố tụng, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 21/9/2022, bị đơn anh Lê Tuấn S có đơn kháng cáo với nội dung: Việc Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản theo tỉ lệ mỗi người 50% là chưa hợp lý về công sức của vợ chồng về việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Tại bản tự khai ngày 31/10/2022 và tại phiên tòa phúc thẩm anh S đề nghị phân chia tài sản theo tỷ lệ 70% giá trị tài sản cho anh và 30% giá trị tài sản cho chị T. Anh đồng ý phân chia phần đất không có nhà cấp 4 cho chị T nhưng chị T phải trả lại số tiền chênh lệch theo tỷ lệ phân chia tài sản anh yêu cầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh S tự nguyện chịu nộp toàn bộ chi phí có liên quan đến việc đo vẽ, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm và không yêu cầu xem xét giải quyết vấn đề này. Còn lại các đương sự không thỏa thuận được với nhau trong việc giải quyết vụ án và yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, nội dung tóm tắt như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Tuấn S và giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc phân chia tài sản sau ly hôn. Buộc anh S phải chịu án phí phúc thẩm và buộc các đương sự phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia tương ứng giá trị được hưởng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 19/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Đồng H xét xử sơ thẩm vụ án, đến ngày 21 tháng 9 năm 2022 bị đơn anh Lê Tuấn S làm đơn kháng

cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo trong hạn luật định, nội dung, hình thức đúng quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, căn cứ Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự có tranh chấp về tài sản chung vợ chồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất mà không tiến hành đo vẽ để làm căn cứ phân chia tài sản trên thực địa thiếu sót. Vì vậy, giai đoạn phúc thẩm các đương sự đã đồng ý nộp chi phí tố tụng để thẩm định lại thửa đất vào ngày 03/11/2022 để khắc phục thiếu sót này. Việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định phân chia tài sản là quyền sử dụng đất nhưng không tiến hành đo vẽ trên thực địa nhằm xác định ranh giới thửa đất là thiếu sót nên cần nêu ra để rút kinh nghiệm.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Lê Tuấn S với lý do Tòa án cấp sơ thẩm phân chia tài sản chung vợ chồng theo tỉ lệ mỗi người 50% là không thỏa đáng về công sức xây dựng và tôn tạo tài sản chung mà căn dựa vào công sức đóng góp của các bên để chia cho anh được hưởng 70%; chị T được hưởng 30% giá trị tài sản mới đảm bảo quyền lợi của các bên; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Quá trình chung sống các bên đương sự đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân đã tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 475, tờ bản đồ số 15, diện tích 243,0m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã Đức N1, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình do UBND thành phố Đồng H cấp ngày 03/5/2017 (sau đây gọi tắt là thửa đất số 475). Trên thửa đất này có ngôi nhà cấp 4 và tường rào, trụ cổng bao quanh là do anh S tự tạo lập nên các bên cũng thừa nhận và không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, anh S cho rằng chị T không có đóng góp công sức tạo lập nên đối với thửa đất này nên việc cấp sơ thẩm phân chia mỗi người được hưởng ½ thửa là chưa phù hợp với công sức đóng góp của các bên, nên anh yêu cầu vẫn phân chia mỗi người được ½ thửa đất nhưng về giá trị tài sản được quy đổi bằng tiền thì anh được chia 70% giá trị, còn chị T được chia 30% giá trị của thửa đất và buộc chia T phải trả lại cho anh số tiền chênh lệch thì mới công bằng. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm anh S không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh công sức đóng góp của mình trong việc tạo lập nên khối tài sản chung này. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chia ½ thửa đất số 475 cho mỗi bên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 29, 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét nhằm thỏa mãn đối với kháng cáo của anh S và cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phân chia tài sản là quyền sử dụng đất sau ly hôn là thỏa đáng.

[2.3] Theo kết quả đo vẽ ngày 03/11/2022 và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 22/7/2022; thửa đất số 475, có diện tích 243,0m<sup>2</sup> có tổng giá trị 388.880.000 đồng với tứ cận: Phía Tây Bắc: giáp thửa đất số 476, kích thước 25,1m; Phía Đông Nam: giáp thửa đất số 474, kích thước 23,5m; Phía Đông Bắc: giáp rãnh R3, kích thước 10,0m; Phía Tây Nam: giáp đường giao thông, cách

tim đường 5,25m. Và theo kết quả đo vẽ lại ngày 03/11/2022 có các điểm đo cụ thể như sau (*Có sơ đồ kèm theo tại các BL: 161-164-166*):

- Từ điểm 1 đến điểm 2 có kích thước: 3,10m;
- Từ điểm 2 đến điểm 3 có kích thước: 22,0m;
- Từ điểm 3 đến điểm 4 có kích thước: 10,0m;
- Từ điểm 4 đến điểm 5 có kích thước: 20,40m;
- Từ điểm 5 đến điểm 6 có kích thước: 3,10m;
- Từ điểm 6 đến điểm 1 có kích thước: 10,3m.

[2.4. Xét thấy công sức tạo lập khối tài sản chung vợ chồng là như nhau nên cần phân chia  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 475 cho anh Lê Tuấn S và chị Nguyễn Thị Thanh T theo hiện trạng được đo vẽ tại BL: 164 cụ thể như sau:

- Anh Lê Tuấn S được chia phần đất có 01 ngôi nhà cấp 4, có tổng diện tích  $123,3m^2$  (*tạm xác định theo sơ đồ đo vẽ có ký hiệu ONT-699*), trị giá 197.280.000 đồng với kích thước cụ thể như sau:

- Từ điểm 1 đến điểm 3 có kích thước: 25,10m;
- Từ điểm 3 đến điểm 4 có kích thước: 5,00m;
- Từ điểm 4 đến điểm 6 có kích thước: 24,29m;
- Từ điểm 1 đến điểm 6 có kích thước: 5,30m.

- Chị Nguyễn Thị Thanh T được hưởng phần đất trống, diện tích  $119,7m^2$  (*tạm xác định theo sơ đồ đo vẽ có ký hiệu ONT-700*), trị giá 191.520.000; kích thước cụ thể như sau:

- Từ điểm 4 đến điểm 6 có kích thước: 24,29m;
- Từ điểm 6 đến điểm 7 có kích thước: 5,0m;
- Từ điểm 7 đến điểm 9 có kích thước: 23,50m;
- Từ điểm 4 đến điểm 5 có kích thước: 5,0m.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm anh Lê Tuấn S đã nộp đầy đủ và tự nguyện nộp chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

[4] Về án phí: Kháng cáo của anh Lê Tuấn S không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, án phí sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 29, 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

**1.** Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Lê Tuấn S. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 25/2022/HNGĐ-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình.

**2.** Phân chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 475, tờ bản đồ số 15, diện tích 243,0m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất xã Đức N1, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình do UBND thành phố Đồng H cấp ngày 03/5/2017 mang tên Lê Tuấn S - Nguyễn Thị Thanh T có tổng giá trị 388.880.000 đồng (*ba trăm tám mươi tám triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng*), cụ thể như sau:

- Chia cho anh Lê Tuấn S được quyền sử dụng 123,3m<sup>2</sup> đất; trị giá 197.280.000 (*một trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*) trên phần đất có 01 ngôi nhà cấp 4, và hàng rào bao quanh, có các cạnh:

- + Từ điểm 1 đến điểm 3 có kích thước: 25,10m;
- + Từ điểm 3 đến điểm 4 có kích thước: 5,00m;
- + Từ điểm 4 đến điểm 6 có kích thước: 24,29m;
- + Từ điểm 1 đến điểm 6 có kích thước: 5,30m.

- Chia cho chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền sử dụng 119,7m<sup>2</sup> đất ở, trị giá 191.520.000 đồng (*một trăm chín mươi một triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng*) có các cạnh:

- + Từ điểm 4 đến điểm 6 có kích thước: 24,29m;
- + Từ điểm 6 đến điểm 7 có kích thước: 5,0m;
- + Từ điểm 7 đến điểm 9 có kích thước: 23,50m;
- + Từ điểm 4 đến điểm 5 có kích thước: 5,0m.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được phân chia theo quy định của pháp luật. (*có sơ đồ đo vẽ chi tiết kèm theo*)

**4.** Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm theo thỏa thuận và phải chịu 9.576.000 đồng (*chín triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự về giá trị tài sản được chia. Như vậy, tổng số tiền chị T phải nộp là 9.876.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 21.300.000 đồng (*hai mươi một ba triệu ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình theo biên lai tạm ứng án phí số: 31AA/2021/000158, ngày 21/4/2022. Chị T được trả lại số tiền 11.424.000 đồng (*mười một triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng*).

- Anh Lê Tuấn S phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm và 9.864.000 đồng (*chín triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) án phí dân sự về giá trị tài sản được chia. Như vậy, tổng số tiền anh S phải nộp là 10.164.000 đồng (*mười triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 31AA/2021/0001287 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng H, tỉnh Quảng. Do đó, số án phí còn lại anh Lê Tuấn S còn phải chịu nộp là 9.864.000 đồng (*chín triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (20/02/2023).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự ;
- TAND thành phố Đồng H;
- Chi cục THADS thành phố Đồng H; tỉnh Quảng Bình;
- Lưu: HS vụ án, án văn Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Trung Thành**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**CÁC THẨM PHÁN**                      **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Bá Lưu**

**Dương Viết Hải**

**Trần Trung Thành**